

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 22/6/2020

V/v: *Tranh chấp HĐ vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ; ông Lò Văn Quý;

- Th- ký phiên tòa: Bà Cà Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019, về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 05/6/2020 (lần 2) giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

- Vợ chồng ông Lò Văn D+ bà Lò Thị H, cùng trú tại bản Nong, xã Chiềng San, huyện M, tỉnh Sơn La, bà H có mặt, ông D vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Bà Vũ Thu H, địa chỉ tổ 4, phường Chiềng S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, thường trú tổ 2 phường C, thành phố Sơn La vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lò Thị H trình bày:

Vào ngày 13/9/2017, bà Vũ Thu H có vay của vợ chồng chúng tôi số tiền là 120.000.000,đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) không tính lãi suất, hai bên có làm giấy hợp đồng vay tiền, có chữ ký của hai vợ chồng tôi và chữ ký của bà Vũ Thu H. Tiếp theo vợ chồng chúng tôi tiếp tục cho bà H vay 100.000.000,đ (*một*

trăm triệu đồng) thể hiện qua hai lần chuyển vào tài khoản cho bà H mỗi lần là 50.000.000,đ (*năm mươi triệu đồng*). Sau đó bà H không có tiền trả như đã cam kết nên đã có viết Giấy khất nợ tiền ngày 21/5/2018, bà H công nhận còn nợ hai vợ chồng tôi tổng số 220.000.000,đ (*hai trăm hai mươi triệu đồng*), hứa thanh toán đầy đủ vào ngày 20/6/2018, nhưng bà H không thực hiện theo cam kết.

Vợ chồng chúng tôi ở bản Nong, xã Chiềng San, huyện M, đường xá đi lại rất xa xôi, nên việc đi lại đòi nợ bà H rất khó khăn. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố giải quyết buộc bà H phải trả đủ cho chúng tôi số tiền còn nợ là 207.350.000đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*), và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản làm việc ghi ý kiến của bị đơn bà Vũ Thu H ngày 25/02/2020, bị đơn có ý kiến: Giữa tôi và gia đình ông D và bà H có nợ tiền với nhau số tiền là 120.000.000,đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) là đúng, nhưng hai bên đã thanh toán xong, tôi không còn liên quan gì nữa đối với số nợ trên. Còn đối với số nợ ghi bổ sung trong hợp đồng ngày 21/11/2017 tôi vay thêm 100.000.000,đ (*một trăm triệu đồng*) bà Hương không nhất trí số nợ này vì không có chữ ký của bà H, không phải nét chữ của bà Hương. Bà Hương cho rằng bị vợ chồng bà H ông D và hai người đàn ông ép viết Giấy cam kết trả nợ. Mặt khác, ông D còn nợ tiền vật liệu của tôi nhận bán từ bỏ để tôi ông Vũ Văn Chính là 13.750.000đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Đề nghị Tòa án xem xét.

Tòa án đã tiến hành xác minh với bố đẻ của bà H là ông Vũ Văn Chính, trú tại tổ 4, phường Chiềng Sinh ngày 07/5/2020, ông Chính xác nhận ông bà không có nợ nần gì với ông D bà H, việc bà H lấy vật liệu xây dựng từ gia đình tôi để đem bán cho người khác, tôi tự thanh toán với bà H, không liên quan bà H ông D, chúng tôi không liên quan và không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải theo pháp luật, vợ chồng bà H, ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thu H trả đủ cho ông bà 207.350.000đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*), tuy nhiên bà Vũ Thu H không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không chấp hành Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án. Do yêu cầu phản tố của bà H cho rằng không phải nét chữ ký và chữ viết của bà, Tòa án ra Quyết định yêu cầu bổ sung chứng cứ gửi bằng thư bảo đảm cho bà H, bà H đã mở bì thư đọc và nhiều lần không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, Bưu điện thành phố hoàn trả lại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, tiến hành Niêm yết công khai văn bản tố tụng nhiều lần tại nơi ở, tại UBND phường C nơi bà Vũ Thu H sinh sống, nhưng bà H đều vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử,

việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 207.350.000,đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*),

+ Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc xem xét, thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 13 tháng 9 năm 2017 bà Vũ Thu Hương có vay của vợ chồng ông Lò Văn D+ bà Lò Thị H số tiền là 120.000.000,đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*), không tính lãi suất, hai bên có làm Hợp đồng cho vay tiền và có đầy đủ chữ ký của hai vợ chồng tôi và chữ ký của bà Vũ Thu H. Tiếp theo vợ chồng bà H ông D tiếp tục cho bà H vay 100.000.000,đ (*một trăm triệu đồng*) thể hiện qua hai lần chuyển tài khoản cho bà H vào ngày 21/11/2017, mỗi lần là 50.000.000,đ (*năm mươi triệu đồng*). Sau đó bà Hương không có tiền trả như đã cam kết nên đã có Giấy khất nợ tiền ngày 21 tháng 5 năm 2018, bà H công nhận nay còn nợ ông D bà H tổng số 220.000.000,đ (*hai trăm hai mươi triệu đồng*), hứa thanh toán đầy đủ vào ngày 20/6/2018. Nhưng bà H không thực hiện theo cam kết.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, bà H, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án xác định đây là vụ án kiện: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, vụ án nêu trên trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm các bên giao kết hợp đồng vay tài sản từ năm 2017, nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong vụ án này, việc bị đơn ký hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và lừa dối, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bên vay và bên cho vay đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền, mặc dù nguyên đơn đến nhà đòi nợ rất nhiều lần nhưng bà Hương cố tình không thanh toán.

Tòa án tiến hành gửi Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập bị đơn để viết bản tự khai, hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhiều lần, bà Hương đều nhận được nhưng cố tình không đến Tòa án, không tham gia giải quyết, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương, tiến hành Niêm yết công khai văn bản tố tụng nhiều lần tại nơi ở và tại UBND phường Chiềng Sinh nơi bà Vũ Thu H sinh sống, nhưng bà Hương đều vắng mặt. Trong vụ án này, bị đơn bà Vũ Thu H có yêu cầu phản tố nhưng cố tình không tham gia tố tụng, không xin xét xử vắng mặt, vắng mặt không có lý do chính đáng, HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố và xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 9 năm 2017, bà Vũ Thu H có vay của vợ chồng bà H+ ông D số tiền là 120.000.000,đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*), không tính lãi suất, hai bên có làm Hợp đồng cho vay tiền, có đầy đủ có chữ ký của hai vợ chồng ông D + bà H và chữ ký của bà Vũ Thu H. Tiếp theo, vợ chồng bà H ông D cho bà H vay tiếp 100.000.000,đ (*một trăm triệu đồng*) thể hiện qua hai lần chuyển vào tài khoản của bà H mỗi lần là 50.000.000,đ (*năm mươi triệu đồng*) vào ngày 21/11/2017. Sau đó bà H không có tiền trả như đã cam kết nên đã có Giấy khất nợ tiền ngày 21 tháng 5 năm 2018, bà Vũ Thu H công nhận còn nợ vợ chồng bà H ông D tổng số tiền 220.000.000,đ (*hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Tại bản tự khai và Biên bản làm việc tại Tòa án, bà H thừa nhận có nợ tiền mua gạch xây nhà của bà H 11.000 viên, thành tiền là 12.650.000,đ (*mười hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*). Bà H nhất trí trừ số tiền nợ trên cho bà H, yêu cầu bà H trả đủ cho bà 207.350.000,đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*). Đối với yêu cầu của bà H, tại biên bản làm việc, bà cho rằng không còn nợ tiền bà Lò Thị H và Lò Văn D mà vợ chồng bà H ông R còn nợ bà 13.750.000,đ (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền mua gạch xây nhà, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà H bổ sung, xuất trình căn cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình, nhưng bà H cố tình không đến giải quyết tại Tòa án là bà tự từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án đình chỉ không xem xét yêu cầu phản tố của bà H. Chấp nhận việc bố đẻ của bà H là ông Vũ Văn Chính từ chối không tham gia tố tụng do ông không nợ nần gì với vợ chồng bà Lò Thị H và Lò Văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bà Vũ Thu H phải trả bà Lò Thị H và Lò Văn D số tiền đang nợ là 207.350.000,đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*).

[4] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463,464,465,466, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” của đồng nguyên đơn bà Lò Thị H và ông Lò Văn D đối với bị đơn bà Vũ Thu H.

- Buộc bà Vũ Thu H có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị H + ông Lò Văn D số tiền còn nợ là 207.350.000,đ (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*). Chấp nhận việc không yêu cầu tính lãi suất của vợ chồng bà Lò Thị H, ông Lò Văn D đối với bà Vũ Thu H.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lò Thị H, ông Lò Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Lò Văn D +bà H số tiền là 5.180.000,đ (*năm triệu một trăm tám mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004710 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Buộc bà Vũ Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.367.500 đồng (*mười triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

3. Quyền kháng cáo: Bà Lò Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lò Văn D và bà Vũ Thu Hương (vắng mặt) có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thanh toán nhưng phải phù hợp với quyết định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương